TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/KDTM-ST
Ngày: 28/02/2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quý;

2. Ông Chu Mạnh Tường.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trường Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2018/TLST-KDTM ngày 28/5/2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 01 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2019/QĐST-KDTM ngày 30/01/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A

Trụ sở: 89 L, phường H, quận Đ, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền có ông Nay P, sinh năm 1990

Địa chỉ thường trú: Xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai .

(theo văn bản ủy quyền số: 7345/2018/XLN-AMC ngày 11/4/2018 của Ngân hàng thương mại cổ phần A) - Ông Nay P có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại G

Trụ sở: 8A Đường B, khu phố H, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1983 – Vắng mặt không có lý do.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1983

Hộ khẩu thường trú: 540/14/2 đường H, tổ 5, phường P, thành phố K, tỉnh Gia Lai.

Chỗ ở hiện nay: 02/2 Đường N, khu phố G, phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Hoàng S vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Ngày 08/02/2017, Ngân hàng thương mại cổ phần A và Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại G có ký hợp đồng tín dụng số: DSA/GVP/17/0011/HDHM. Theo khế ước nhận nợ số: DSA/GVP/17/0011/HDHM-01 ngày 10/02/2017 đã giải ngân cùng ngày, Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại G đã nhận số tiền vay là 300.019.500 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất là 21,65%/năm cố định trong 03 tháng đầu. Theo khế ước nhận nợ số: DSA/GVP/17/0011/HDHM-02 ngày 12/5/2017 đã giải ngân cùng ngày, Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại G tiếp tục vay số tiền 172.150.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất là 21,8%/năm cố định trong 03 tháng đầu. Tổng số tiền vay của hai lần giải ngân là 472.169.500 đồng. Toàn bộ khoản vay trên được lảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Nguyễn Hoàng S theo hợp đồng bảo lãnh số: DSA/GVP/17/0011/HDBLCN ngày 08/02/2017.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng phía Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại G liên tục vi phạm nghĩa vụ trả lãi và nợ gốc hàng tháng. Tính đến ngày 16/3/2018 Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại G đã thanh toán cho nguyên đơn tổng số nợ gốc là 139.354.125 đồng, còn nợ số tiền gốc là 332.815.375 đồng, nợ lãi là 67.649.020 đồng. Tổng số tiền còn nợ là 400.464.395 đồng. Hiện tại đã quá thời hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng phía Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại G vẫn cố tình chay lì, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, mặc dù phía nguyên đơn đã nhiều lần liên lạc, nhắc nhở yêu cầu trả nợ. Do vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại G thanh toán số tiền nợ quá hạn: 332.815.375 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 04/01/2019 là 164.449.262 đồng. Tổng số tiền còn nợ: 497.264.637 đồng.

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại G tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 05/01/2019 theo mức lãi nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

- Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại G không thanh toán theo yêu cầu trên, buộc ông Nguyễn Hoàng S liên đới thanh toán toàn bộ khoản vay nói trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

(2) Đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại G và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng S không hợp tác,

không đến Tòa làm việc theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án. Tòa án đã tiến hành ủy thác thu thập tài liệu chứng cứ xác minh tình trạng nơi cư trú ông Nguyễn Hoàng S xác định ông Nguyễn Hoàng S không còn cư trú tại địa chỉ 540/14/2 đường Hùng Vương, tổ 5, phường Phù Đổng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (nơi đăng ký thường trú). Theo kết quả trả lời xác minh tại công văn số 3900/ĐKKD-THKT ngày 02/7/2018 của Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh xác định bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại G đã chuyển trụ sở hoạt động tại địa chỉ mới là: 8A Đường số 33, khu phố 2, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, chỗ ở hiện tại của ông Nguyễn Hoàng S vẫn còn tại địa chỉ: 2/2 đường số 13, khu phố 4, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức. Mặc dù, đã được thông báo, tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Hoàng S vẫn cố tình vắng mặt không đến tòa để làm việc, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất.

(3) Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên với số tiền lãi đến ngày Tòa án xét xử sở thẩm (28/02/2019) là 180.923.623 đồng. Ông Nguyễn Hoàng S là đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại G, cũng là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án tiếp tục vắng mặt mà không có lý do.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đối với ông Nguyễn Hoàng S là đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại G, cũng là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc sự kiện khách quan, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Về nội dung vụ án: yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A với Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại G phát sinh tranh chấp từ hợp đồng tín dụng, trong hoạt động sản xuất kinh doanh, cùng vì mục đích lợi nhuận là thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại G đăng ký trụ sở hoạt động chính trên địa bàn quận Thủ Đức, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Nguyễn Hoàng S là đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại G, cũng là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.1] Xét hợp đồng tín dụng số: DSA/GVP/17/0011/HDHM ngày 08/02/2017 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A với Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại G đã đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, việc ký kết là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc giữa các bên. Căn cứ vào khế ước nhận nợ số: DSA/GVP/17/0011/HDHM-01 ngày 10/02/2017 và khế ước nhận nợ số: DSA/GVP/17/0011/HDHM-02 ngày 12/5/2017 có cơ sở xác định Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại G đã nhận tổng số tiền của hai lần giải ngân là 472.169.500 đồng. Căn cứ vào lịch sử thanh toán và sự thừa nhận của nguyên đơn xác định từ lúc giải ngân cho đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử sơ thẩm (28/02/2019) Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại G đã thanh toán được tổng số nợ gốc là 139.354.125 đồng, số tiền nợ gốc còn lại là 332.815.375 đồng. Xét thấy, số tiền lãi 180.923.623 đồng mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là phù hợp với lãi suất hai bên đã thỏa thuận tại Điều 2 của hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ (lãi trong hạn 21.65%/năm và 21,8%/năm), phù hợp với thời gian vi phạm nghĩa vụ thanh toán, phù hợp quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Xét thấy, thời gian thỏa thuận về việc vay và trả nợ giữa hai bên đã hết, nhưng bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ bên vay, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của bên cho vay. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Hoàng S liên đới thanh toán toàn bộ khoản vay nói trên trong trường hợp bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng bảo lãnh số: DSA/GVP/17/0011/HDBLCN ngày 08/02/2017 ký kết giữa bên bảo lãnh ông Nguyễn Hoàng S, bên được bảo lãnh là Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại G và bên nhân bảo lãnh Ngân hàng thương mại cổ phần A là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại Điều 335 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì bên được bảo lãnh đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do vậy bên bảo lãnh ông Nguyễn Hoàng S phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với toàn bộ nghĩa vụ trả nợ nói trên của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại G.

Từ những phân tích, nhận định trên nhận thấy toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sở thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều, 335, 336, 342, 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại G có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 513.738.998 đồng (năm trăm mười ba triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn chín trăm chín mươi tám đồng), trong đó tiền nợ gốc là 332.815.375 đồng và nợ lãi là 180.923.623 đồng.

Kể từ ngày 01/3/2019, Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại G còn phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi quá hạn phát sinh tương ứng với số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trong trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại G không thanh toán hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì buộc bên bảo lãnh ông Nguyễn Hoàng S phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ nói trên. Ngân hàng thương mại cổ phần A được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Hoàng S để xử lý thu hồi nợ.

2. Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 24.549.560 đồng (hai mươi bốn triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm sáu mươi đồng) buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại G phải nộp theo quy định.

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí 10.009.287 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0038884 ngày 28/5/2018 của Chi cục thi hành an dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được công bố, Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Thiên